

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VNC
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ VNC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNC INVESTMENT AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108920940

3. Ngày thành lập: 27/09/2019

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 8, ngõ 44 Phạm Thận Duật, Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)
2.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
3.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
4.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
5.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Bán buôn thực phẩm	4632
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
10.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý	4610
11.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
12.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
13.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
14.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
15.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
16.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
17.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
18.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

20.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
21.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
22.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
23.	Sản xuất đồng hồ	2652
24.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
25.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
26.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
27.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
28.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
29.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
30.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
31.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
32.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
33.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
34.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
35.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
36.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
37.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
38.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
39.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
40.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
41.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
44.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
45.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
48.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
49.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
50.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
51.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
52.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520

53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
54.	Bán mô tô, xe máy	4541
55.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
56.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
59.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
60.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
61.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
62.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
63.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
64.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
65.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
66.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
67.	Bán buôn tổng hợp	4690
68.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	4772
73.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trà vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
74.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
75.	Bốc xếp hàng hóa	5224
76.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
77.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
78.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
79.	Lập trình máy vi tính	6201
80.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
81.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
82.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
83.	Cổng thông tin	6312
84.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020

85.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
86.	Quảng cáo	7310
87.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
89.	Cho thuê xe có động cơ	7710
90.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
91.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
92.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
93.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
94.	Dịch vụ đóng gói	8292
95.	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
96.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
97.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
98.	Tái chế phế liệu	3830
99.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
100.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
101.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
102.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
103.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
104.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
105.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CUÔNG	Xóm Đồng Yên, Xã Xuân Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	184020996	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		
2	HỒ VĂN HÒA	C2407 Hh2C KhuĐT mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	040084000841	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000		

3	NGUYỄN VĂN TRUNG	Xóm Đồng Yên, Xã Xuân Lộc, Huyện Can Lộc, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	183505971
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000	
4	HOÀNG QUỐC TUẤN	C2017 HH2 KhuĐT mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	250.000	2.500.000.000	25,000	042088000231
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	250.000	2.500.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HỒ VĂN HÒA

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/10/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 040084000841

Ngày cấp: 16/11/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C2407 Hh2C Khu DT mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: C2407 Hh2C Khu DT mới Dương Nội, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội